NGHỊ ĐỊNH THƯ

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC

VỀ

SỬA ĐỔI HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU, KÝ NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 1997 TẠI HÀ NỘI

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc (sau đây gọi là "Các Bên ký kết") đã thoả thuận sửa đổi Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau (sau đây gọi là "Hiệp định") như sau:

ĐIỀU 1

Khoản 4 Điều 3 Hiệp định được hủy bỏ và thay bằng các Khoản từ 4 đến 6 mới như sau:

"4. Quy định về Đối xử quốc gia và Đối xử tối huệ quốc của Điều này không áp dụng đối với các ưu đãi mà một Bên ký kết áp dụng theo nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên của liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực mậu dịch tự do.

5. Các Bên ký kết hiểu rằng các nghĩa vụ của Bên ký kết kia với tư cách là thành viên của liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực mậu dịch tự do bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh từ hiệp định quốc tế hoặc hiệp định có đi có lại của liên minh thuế quan, liên

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

minh kinh tế, liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực mậu dịch tự do đó.

6. Các quy định của Hiệp định này không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia, hoặc đầu tư hoặc thu nhập của họ, lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào mà Bên ký kết đó áp dụng theo bất kỳ hiệp định hoặc thoả thuận quốc tế nào liên quan toàn bộ hoặc một phần đến thuế .".

ĐIỀU 2

Bổ sung đoạn sau vào đầu câu đầu tiên của Khoản 1 Điều 6 Hiệp định:

"Không ảnh hưởng tới các biện pháp áp dụng chung, được áp dụng một cách không tùy tiện, không phân biệt đối xử, trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ mà một Bên ký kết đã cam kết với tư cách là thành viên của liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực mậu dịch tự do..."

ĐIỀU 3

1. Sửa đổi phần đầu của câu trong Khoản 2 Điều 8 như sau:

"Nếu tranh chấp phát sinh giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia không thể giải quyết được như vậy trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp yêu cầu giải quyết tranh chấp... ".

2. Huỷ bỏ đoạn sau trong điểm c, Khoản 2 Điều 8: "Phán quyết của trọng tài sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai Bên tham gia tranh chấp".

3. Bổ sung Khoản 3 mới vào sau Khoản 2 của Điều 8 như sau:

"3.Tòa trọng tài sẽ quyết định trên cơ sở luật, tính đến các nguồn luật theo thứ tự ưu tiên như sau:

- các quy định của Hiệp định này, và các Hiệp định khác có liên quan giữa các Bên ký kết;

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

- luật hiện hành của Bên ký kết liên quan;

- quy định của các thoả thuận cụ thể liên quan đến đầu tư;

- các nguyên tắc chung của luật quốc tế.

Phán quyết của trọng tài sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai bên tham gia tranh chấp và được thi hành theo luật hiện hành của Bên ký kết liên quan.".

ĐIỀU 4

Bổ sung Điều 11 mới vào sau Điều 10 của Hiệp định như sau:

"Lợi ích an ninh thiết yếu

1. Không điều nào trong Hiệp định này được hiểu là ngăn cản bất kỳ Bên ký kết nào thực hiện các hành động mà Bên đó cho là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của mình,

(a) Liên quan đến tội phạm hình sự;

(b) Liên quan đến buôn lậu vũ khí, đạn dược, phương tiện quân sự và các giao dịch đối với hàng hoá, vật liệu, dịch vụ và công nghệ khác được tiến hành trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ mục đích cung ứng cho cơ sở quân sự hoặc an ninh khác;

(c) Thực hiện trong thời gian chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế; hoặc

(d) Liên quan đến việc thực hiện chính sách quốc gia hoặc hiệp định quốc tế về không phổ biến vũ khí hạt nhân hoặc các thiết bị nổ hạt nhân khác; hoặc

(e) Khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc về gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế.

2. Lợi ích an ninh thiết yếu của một Bên ký kết có thể bao gồm lợi ích phát sinh từ tư cách thành viên của Bên ký kết đó trong liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực mậu dịch

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

tự do.".

Các điều tiếp theo trong Hiệp định sẽ được đánh số lại.

ĐIỀU 5

Nghị định thư này có hiệu lực vào ngày thứ 90 sau thông báo cuối cùng trong đó các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc hoàn tất thủ tục pháp lý trong nước để Nghị định thư có hiệu lực. Nghị định thư có hiệu lực trong thời gian Hiệp định có hiệu lực.

Nghị định thư này được làm tại Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2008 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Séc và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

THAY MẶT **CHÍNH PHỦ NƯỚC** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CHÍNH PHỦ NƯỚC** **CỘNG HOÀ SÉC**
Võ Hồng Phúc Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ivo Zdarek Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền Cộng hoà Séc tại Việt Nam

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

PROTOCOL

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE CZECH REPUBLIC

ON

THE AMENDMENTS TO THE AGREEMENT BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM AND THE GOVERNMENT OF THE CZECH REPUBLIC FOR THE PROMOTION AND RECIPROCAL PROTECTION OF INVESTMENT, SIGNED ON THE 25th NOVEMBER, 1997 AT HANOI

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Czech Republic (hereinafter referred to as "Contracting Parties") have agreed to amend the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Czech Republic for the Promotion and Reciprocal Protection of Investment (hereinafter referred to as "the Agreement") as follows:

ARTICLE 1

Paragraph 4 of Article 3 of the Agreement is deleted and replaced by new paragraphs 4 to 6:

"4. The National Treatment and Most-Favoured-Nation Treatment provisions of this Article shall not apply to advantages accorded by a Contracting Party pursuant to its obligations as a member of a customs, economic, or monetary union, a common market or a free trade area.

5. The Contracting Party understands the obligations of the other Contracting Party as a member of a customs, economic, or monetary union, a common market or a free trade area to include obligations arising out of an

international agreement or reciprocity agreement of that customs, economic, or monetary union, common market or free trade area.

6. The provisions of this Agreement shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party, or to the investments or returns of such investors, the benefit of any treatment, preference or privilege which may be extended by the Contracting Party by virtue of any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation."

ARTICLE 2

In Article 6 of the Agreement, at the beginning of the first sentence of paragraph 1, the following words are added:

"Without prejudice to measures of general application, which are applied neither arbitrarily nor discriminatory, based on the rights and obligations, which a Contracting Party has assumed as a member of or a party to a customs, economic or monetary union, a common market or a free trade area...".

ARTICLE 3

1. In Article 8, paragraph 2 first part of the sentence reads as follows:

"If any dispute between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party cannot thus be settled within a period of six months of the date when the request for the settlement has been submitted,..."

2. In Article 8, paragraph 2, letter /c/ the sentence "*This arbitral awards shall be final and binding on both parties to the dispute*" is deleted.

3. After paragraph 2 of Article 8, the new paragraph 3 is inserted:

"3. The arbitral tribunal shall decide on the basis of the law, taking into account the sources of law in the following sequence:

- *the provisions of this Agreement, and other relevant Agreements between the Contracting Parties;*
- *the law in force of the Contracting Party concerned;*
- *the provisions of special agreements relating to the investment;*
- *the general principles of international law.*

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

The arbitral awards shall be final and binding on both parties to the dispute and shall be enforceable in accordance with the law in force of the Contracting Party concerned."

ARTICLE 4

The new Article 11 after Article 10 of the Agreement is inserted, which reads as follows:

"*Essential Security Interests*

1. Nothing in this Agreement shall be construed to prevent any Contracting Party from taking any actions that it considers necessary for the protection of its essential security interests,

(a) relating to criminal or penal offences;

(b)relating to traffic in arms, ammunition and implements of war and transactions in other goods, materials, services and technology undertaken directly or indirectly for the purpose of supplying a military or other security establishment;

(c) taken in time of war or other emergency in international relations, or

(d) relating to the implementation of national policies or international agreements respecting the non-proliferation of nuclear weapons or other nuclear explosive devices, or

(e) in pursuance of its obligations under the United Nations Charter for the maintenance of international peace and security.

2. A Contracting Party's essential security interests may include interests deriving from its membership in a customs, economic, or monetary union, a common market or a free trade area."

The subsequent Articles in the Agreement shall be re-numbered.

ARTICLE 5

The Protocol shall enter into force on the ninetieth day after the later notification by which the Contracting Parties communicate each other that

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

their internal legal procedures for its entry into force have been completed. The Protocol shall remain in force as long as the Agreement.

Done in Hanoi, on 21 March 2008, in two originals in the Vietnamese, Czech and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE CZECH REPUBLIC

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

PROTOKOL

MEZI VLÁDOU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY A VLÁDOU ČESKÉ REPUBLIKY O ZMĚNÁCH DOHODY MEZI VLÁDOU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY A VLÁDOU ČESKÉ REPUBLIKY O PODPOŘE A VZÁJEMNÉ OCHRANĚ INVESTIC, PODEPSANÉ DNE 25. LISTOPADU 1997 V HANOJI

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Vláda Vietnamské socialistické republiky a vláda České republiky (dále jen „smluvní strany“) se dohodly změnit Dohodu mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o podpoře a vzájemné ochraně investic (dále jen „Dohoda“) následujícím způsobem:

ČLÁNEK 1

Odstavec 4 článku 3 Dohody se vypouští a nahrazuje se novými odstavci 4 až 6:

„4. Ustanovení o národním zacházení a doložce nejvyšších výhod podle tohoto článku se nebude vztahovat na výhody, které poskytuje smluvní strana na základě svých závazků jako člena celní, hospodářské nebo měnové unie, společného trhu nebo zóny volného obchodu.

5. Smluvní strana je srozuměna s tím, že závazky druhé smluvní strany jako člena celní, hospodářské nebo měnové unie, společného trhu nebo zóny volného obchodu zahrnují závazky vyplývající z mezinárodní smlouvy nebo vzájemné smlouvy týkající se této celní, hospodářské nebo měnové unie, společného trhu nebo zóny volného obchodu.

6. Ustanovení této dohody nelze vykládat tak, že zavazují jednu smluvní stranu poskytnout investorům druhé smluvní strany nebo jejich investicím či výnosům takové výhody, upřednostnění nebo výsady, které může první smluvní strana poskytovat na základě mezinárodní smlouvy týkající se zcela nebo převážně zdanění.“

ČLÁNEK 2

V článku 6 Dohody se na začátek první věty odstavce 1 vkládají následující slova:

„Aniž jsou dotčena opatření všeobecné povahy, která nejsou používána svévolně ani diskriminačně, založená na právech a závazcích, které smluvní strana převzala jako člen nebo strana celní, hospodářské nebo měnové unie, společného trhu nebo zóny volného obchodu…“

ČLÁNEK 3

1) V článku 8 odstavci 2 Dohody je znění první části věty následující:

„Jestliže spor mezi investorem jedné smluvní strany a druhou smluvní stranou nebude takto urovnán v době šesti měsíců od data, kdy investor předložil žádost o řešení sporu, …“.

2) V článku 8 odstavci 2 písm. /c/ se vypouští věta „Rozhodčí nález bude konečný a závazný pro obě strany sporu“.

3) Za odstavec 2 článku 8 Dohody se vkládá nový odstavec 3:

„Rozhodčí soud bude rozhodovat na základě práva, kdy vezme při svém rozhodování v úvahu zdroje práva v následujícím pořadí:

- ustanovení této dohody a jiných příslušných dohod mezi smluvními stranami;
- platné právo dotčené smluvní strany;
- ustanovení zvláštních dohod vztahujících se k investici;
- obecné principy mezinárodního práva.

Rozhodčí nález bude konečný a závazný pro obě strany ve sporu a bude vykonatelný v souladu s právním řádem příslušné smluvní strany.“

ČLÁNEK 4

Za článek 10 Dohody se vkládá nový článek 11, jehož znění je následující:

„Základní bezpečnostní zájmy

1. Nic v této dohodě nelze vykládat tak, že je bráněno kterékoli ze smluvních stran přijmout kroky, které považuje za nezbytné na ochranu svých základních bezpečnostních zájmů,

/a/ týkající se trestných činů;

/b/ týkající se obchodu se zbraněmi, střelivem a válečnými nástroji a transakcím s jiným zbožím, materiálem, službami a technologiemi, které byly provedeny s cílem zásobovat vojenské nebo jiné bezpečnostní síly;

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

/c/ učiněné v době války nebo v době mimořádných událostí v mezinárodních vztazích, nebo

/d/ vztahující se k provádění národní politiky nebo mezinárodních dohod týkajících se zákazu rozšiřování atomových zbraní nebo jiných atomových výbušných zařízení nebo

/e/ v souladu se svými závazky podle Charty OSN kroky k zachování mezinárodního míru a bezpečnosti.

2. Základní bezpečnostní zájmy smluvní strany mohou zahrnovat zájmy vyplývající z jejího členství v celní, hospodářské nebo měnové unii, volném trhu nebo zóně volného obchodu."

Následující články Dohody budou přečíslovány.

ČLÁNEK 5

Protokol vstoupí v platnost devadesátým dnem po pozdější notifikaci, kterou si smluvní strany oznámily, že vnitřní právní postupy pro vstup Dohody v platnost byly ukončeny. Protokol zůstane v platnosti po dobu platnosti Dohody.

Dáno v Hanoji dne 24. března 2008, ve dvojím vyhotovení v jazyce vietnamském, českém a anglickém, přičemž všechny texty jsou stejně autentické. V případě jakéhokoli rozporu ve výkladu je rozhodující anglický text.

ZA VLÁDU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY	ZA VLÁDU ČESKÉ REPUBLIKY

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao